

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: /2019/DS-ST
Ngày 05-6-2019
“*V/v tranh chấp yêu cầu thực
hiện nghĩa vụ trả tiền*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hoa.
2. Ông Siu Tư Lul.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXX-DS ngày 11 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị C, sinh năm 1966 và ông Ngô Thanh H, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn P, xã I, huyện Chư P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 và bà Đinh Thị T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn K, xã I, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị C và ông Ngô Thanh H trình bày:

Từ ngày 04/02/2018 đến ngày 30/6/2018, ông H, bà C có bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, ứng tiền cả phê cho ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị T và cho ông T, bà T vay tiền. Tổng số tiền mà ông T, bà T còn nợ ông H, bà C là 42.560.000 đồng. Cụ thể như sau: Ngày 04/02/2018, ông T, bà T mua thuốc sâu lốc mai số lượng 08 bì, thành tiền là 2.400.000 đồng. Ngày 26/02/2018 mua 14 bao phân Hoa Kỳ, 02 chai Kalibo, thành tiền là 6.420.000 đồng. Ngày 08/02/2018, ông T, bà T vay

7.000.000 đồng. Ngày 10/5/2018, ông T, bà T mua 02 bao phân NPK, 01 chai Kalibo, thành tiền là 1.570.000 đồng. Ngày 24/5/2018, ông T, bà T mua 06 chai thuốc cỏ, 05 chai và 05 bì thuốc sâu, thành tiền là 1.340.000 đồng. Ngày 19/5/2018, ông T, bà T mua 06 chai thuốc cỏ, thành tiền là 390.000 đồng. Ngày 17/6/2018, ông T, bà T mua 15 bao phân con Ó, thành tiền là 8.700.000 đồng. Ngày 16/6/2018, ông T, bà T mua 07 chai lưu dẫn, thành tiền là 490.000 đồng. Ông H, bà C đã nhiều lần yêu cầu ông T và bà T trả nợ nhưng ông T và bà T không trả. Ngày 01/11/2018, ông H, bà C có làm văn bản thông báo ông T, bà T trả các khoản nợ như đã nêu trên, nhưng đến nay ông T và bà T vẫn không trả. Nay ông H, bà C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Sê giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T phải trả toàn bộ số tiền còn nợ là 42.560.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông H, bà C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là ông T và bà T phải trả cho ông bà 40.110.000 đồng, cụ thể các khoản nợ như sau: Ngày 04/02/2018, ông T, bà T mua thuốc sâu lóc mai số lượng 08 bì, thành tiền là 2.400.000 đồng. Ngày 26/02/2018 mua 14 bao phân Hoa Kỳ, 02 chai Kalibo, thành tiền là 6.420.000 đồng. Ngày 08/02/2018, ông T, bà T vay 7.000.000 đồng. Ngày 24/5/2018, ông T, bà T mua 06 chai thuốc cỏ, 05 chai và 05 bì thuốc sâu, thành tiền là 1.340.000 đồng. Ngày 17/6/2018, ông T, bà T mua 15 bao phân con Ó, thành tiền là 8.700.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà Vân đều vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Qua xác minh tại nơi cư trú, chính quyền địa phương cho biết ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng hiện nay không có mặt tại nơi cư trú, không xác định được thời điểm trở về. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà Vân tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ ngày thụ lý cho đến thời điểm xét xử và tại phiên tòa là đúng và đủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: căn cứ vào Điều 430, 434 của BLDS, điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn là ông T và bà T phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 33.110.000 đồng. Căn cứ vào Điều 463, 466, 469 của BLDS buộc bà T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 7.000.000 đồng. Về án phí: Buộc bị đơn ông T và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 20/12/2018, nguyên đơn ông Ngô Thanh H và bà Vũ Thị C nộp đơn khởi kiện tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện đảm bảo, bị đơn có nơi tại thôn K, xã I, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Căn cứ các quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; bị đơn không có yêu cầu phản tố, do đó Tòa án Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, nên miễn xét.

[3] Xét điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

Ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T có mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, ứng tiền cà phê, vay tiền bằng hình thức kí xác nhận với ông Ngô Thanh H và bà Vũ Thị C là có thật. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; hình thức giao dịch được lập thành văn bản, có chữ kí xác nhận của bị đơn. Do đó giao dịch dân sự này có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập và không bị vô hiệu.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là ông Ngô Thanh H và bà Vũ Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T trả cho nguyên đơn số tiền nợ mua phân bón, thuốc trừ sâu, ứng tiền cà phê và vay tiền tổng cộng là 40.110.000 đồng, cụ thể các khoản nợ như sau: Ngày 04/02/2018, ông T, bà T mua thuốc sâu lóc mai số lượng 08 bì, thành tiền là 2.400.000 đồng. Ngày 26/02/2018 mua 14 bao phân Hoa Kỳ, 02 chai Kalibo, thành tiền là 6.420.000 đồng. Ngày 08/02/2018, ông T, bà T vay 7.000.000 đồng. Ngày 24/5/2018, ông T, bà T mua 06 chai thuốc cỏ, 05 chai và 05 bì thuốc sâu, thành tiền là 1.340.000 đồng. Ngày 17/6/2018, ông T, bà T mua 15 bao phân con Ó, thành tiền là 8.700.000 đồng;

Ngày 01/11/2018, nguyên đơn có thông báo bằng văn bản yêu cầu trong thời hạn 10 ngày bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả số nợ trên cho nguyên đơn nhưng bị đơn không trả. Đối với khoản vay 7.000.000 đồng vào ngày 08/02/2018, mặc dù chỉ có bà T kí xác nhận khoản vay này nhưng nội dung xác nhận thể hiện ông T, bà T vay và tiếp ngay sau đó vào các ngày 24/5/2018 và 17/6/2018, ông T có xác nhận các khoản tiền nợ mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, ông T cũng không có ý kiến gì, Mặc khác, nguyên đơn không có nghĩa vụ chứng minh mục đích bà T vay tiền về để làm gì, có sử dụng chung vào sinh hoạt chung của gia đình hay không. Nên Hội đồng xét xử xác định đây là khoản vay chung của ông T và bà T. Do bị đơn đã vi

phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn là ông H, bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là ông T, bà T phải trả cho nguyên đơn số tiền 40.110.000 đồng.

Căn cứ vào các Điều 275, Điều 278, Điều 280, Điều 351, các Điều 430, 434, 440, 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông T, bà T phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là ông H, bà C số tiền còn nợ là 40.110.000 đồng.

[5] Về án phí: bị đơn là ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn là ông Ngô Thanh H và bà Vũ Thị C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244, Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 275, Điều 278, Điều 280, Điều 351, các Điều 430, 434, 440, 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Ngô Thanh H và bà Vũ Thị C.

1. Buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Thanh H và bà Vũ Thị C số tiền 40.110.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.005.500 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho nguyên đơn là ông Ngô Thanh H và bà Vũ Thị C tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.064.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007685 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/6/2019), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chư Sê;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Lưu HSVA, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Tiến Sỹ